

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

PHÒNG 01

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	A D 0001	Đinh Thanh Thùy	An	11/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Địa lí	9.3	6.700	
2	A K 0004	Lê Phương	An	27/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			7.100	KK Tiếng Anh
3	H A 0008	Nguyễn Gia Hà	An	27/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.8	Tiếng Anh	9.7	6.700	
4	A B 0009	Nguyễn Mỹ	An	15/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.7	Lịch sử	9.5	2.300	
5	A D 0010	Nguyễn Ngọc Bình	An	02/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Địa lí	8.4	4.400	
6	A V 0012	Nguyễn Thị Phước	An	09/02/2010	Nữ	Kinh	Nghệ An	Trần Phú, Chư Pưh	T	T	T	K	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.6	Ngữ văn	8.0	2.500	
7	A K 0015	Tô Trần Bảo	An	19/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Đức Cơ	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			5.700	Nhi Tiếng Anh
8	A V 0021	Trần Nguyễn Bình	An	15/05/2010	Nữ	Kinh	Phú Yên	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.4	3.200	
9	A V 0029	Hoàng Phương	Anh	24/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Ngữ văn	8.8	8.400	Nhi Tiếng Anh
10	T A 0030	Lê Hoàng	Anh	04/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tiếng Anh	9.6	4.100	
11	A K 0044	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	29/11/2009	Nữ	Kinh	TP Hồ Chí Minh	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5			4.800	
12	A V 0047	Nguyễn Thị Hồng	Anh	20/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Ngữ văn	9.1	3.000	
13	T A 0053	Phan Kiều	Anh	13/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.8	Tiếng Anh	9.2	3.300	
14	T A 0055	Phan Quang	Anh	06/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.5	Tiếng Anh	8.8	Vắng	
15	H A 0057	Trần Hải	Anh	02/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	7.9	Tiếng Anh	9.5	4.700	
16	A K 0062	Trần Nguyễn Văn	Anh	18/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0			5.400	
17	V A 0064	Trần Phạm Quỳnh	Anh	06/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.7	Tiếng Anh	9.4	3.300	
18	A D 0067	Trịnh Nguyễn Quỳnh	Anh	01/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.7	Địa lí	8.5	3.900	
19	A D 0068	Trịnh Tuyết	Anh	16/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Địa lí	8.4	3.700	
20	A V 0069	Võ Huỳnh Diệu	Anh	04/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.0	5.500	
21	A D 0070	Võ Ngọc Diệu	Anh	11/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Địa lí	9.7	6.300	
22	A D 0085	Phạm Hoàng	Bách	26/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.1	Địa lí	9.2	2.600	
23	A K 0088	Đỗ Gia	Bảo	02/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	K	K	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			3.300	
24	L A 0099	Trương Quốc	Bảo	09/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.3	Tiếng Anh	9.3	6.300	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Phạm Thị Ngọc Hà
Trần Lê Đăng Hải
Hỗ T. Lugen
Lê T. Lam Hồng

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

PHẠM THỊ THI GIANG

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

PHÒNG 02

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	A B 0100	Võ Hoàng Gia	Bảo	04/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Lịch sử	9.1	3.100	
2	A D 0101	Đỗ Đăng Việt	Bắc	11/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, IaGra	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Địa lí	9.4	3.900	
3	A D 0104	Lê Văn	Bình	25/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Linh, Đăk Đoa	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	8.5	Địa lí	8.5	2.400	
4	A V 0108	Nguyễn Phan Ái	Chân	24/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.6	Ngữ văn	7.7	2.400	
5	A K 0113	Lê Ngọc Bảo	Châu	23/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			7.800	Ba Tiếng Anh
6	A D 0114	Lê Ngọc Trần	Châu	13/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Địa lí	9.7	6.300	
7	A V 0116	Nguyễn Bảo	Châu	26/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	8.8	4.800	
8	A V 0119	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	28/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	9.0	Ngữ văn	7.4	4.800	
9	A V 0120	Nguyễn Thị Bảo	Châu	15/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chư Prông	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	8.5	4.400	KK Tiếng Anh
10	V A 0126	Lưu Mẫn	Chi	05/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Tiếng Anh	9.5	1.300	
11	A D 0127	Nguyễn Đặng Diệp	Chi	03/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Địa lí	9.4	3.400	
12	A D 0129	Nguyễn Trần Yến	Chi	16/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kông Chro	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.6	Địa lí	9.1	2.100	
13	H A 0133	Huỳnh Đăng	Cơ	01/07/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Lê Lợi, Chư Prông	K	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.4	Tiếng Anh	8.9	1.600	
14	T A 0137	Nguyễn Chấn	Cường	01/01/2010	Nam	Kinh	Đà Nẵng	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.7	Tiếng Anh	9.6	6.400	
15	A K 0143	Lê Hàn Thư	Di	10/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.1			1.900	
16	A T 0144	Nguyễn Thiên	Di	24/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Toán	9.8	4.000	
17	A K 0151	Nguyễn Đăng	Dũng	22/01/2010	Nam	Kinh	TP Hồ Chí Minh	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	8.4			3.900	
18	A K 0152	Nguyễn Đức	Dũng	12/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			9.200	Nhi Tiếng Anh
19	A K 0154	Nguyễn Duy Nguyên	Dũng	09/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9			7.700	Ba Tiếng Anh
20	A H 0157	Trần Anh	Dũng	01/03/2010	Nam	Kinh	Đăk Lăk	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Hóa học	9.5	5.100	
21	A V 0163	Ngô Thị Ánh	Dương	06/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, IaGra	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.0	3.900	
22	H A 0164	Nguyễn Thị Ánh	Dương	02/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.1	Tiếng Anh	8.8	1.800	
23	V A 0168	Vũ Thái	Dương	21/11/2010	Nữ	Mường	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.0	Tiếng Anh	9.2	2.400	
24	A V 0169	Vũ Thùy	Dương	19/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.6	5.300	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

PHÒNG 03

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	A V 0176	Phùng Mỹ	Duyên	05/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Ngữ văn	9.1	6.200	
2	A K 0179	Phạm Trúc	Đan	26/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			4.800	
3	A V 0180	Trần Nhã Linh	Đan	14/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	8.0	2.700	
4	A K 0183	Nguyễn Minh	Đạt	25/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kông Chro	K	T	K	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			6.000	
5	A K 0185	Phạm Tấn	Đạt	11/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.8			3.100	
6	A B 0195	Nguyễn Việt Minh	Đặng	29/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Lịch sử	9.2	6.800	
7	H A 0198	Trần Thục Minh	Đoan	08/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.0	Tiếng Anh	9.2	3.700	
8	A T 0199	Nguyễn Tiến	Đoàn	08/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Toán	9.0	7.100	KK Tiếng Anh
9	A K 0206	Trương Công	Đức	09/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			4.400	
10	A K 0208	Võ Ngọc	Đức	30/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4			6.800	
11	A K 0213	Đỗ Hồ Nguyệt	Giang	08/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Đức Cơ	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			4.200	KK Tiếng Anh
12	A T 0217	Nguyễn Lý Cẩm	Giang	18/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Toán	9.0	7.400	
13	A V 0218	Nguyễn Thị	Giang	06/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	8.2	2.800	
14	A K 0219	Trần Lê Trường	Giang	22/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.1			7.100	
15	V A 0220	Nguyễn Huyền	Giao	04/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Chư Purb	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Tiếng Anh	9.0	1.400	
16	T A 0230	Nguyễn Thanh	Hà	29/03/2010	Nữ	Kinh	Đăk Lăk	APC, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.9	Tiếng Anh	9.9	8.700	Nhất Tiếng Anh
17	A D 0231	Nguyễn Thị Khánh	Hà	28/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Linh, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Địa lí	9.1	2.300	
18	A K 0233	Phạm Bảo	Hà	03/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	laNhin, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4			5.900	
19	A T 0234	Phan Khánh	Hà	25/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0	Toán	9.4	3.400	
20	A K 0235	Trịnh Khánh	Hà	12/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			6.100	
21	A K 0239	Nguyễn Hoàng	Hải	22/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0			4.000	
22	A K 0240	Phạm Văn	Hải	07/02/2010	Nam	Kinh	Hòa Bình	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.9			4.900	
23	T A 0244	Phạm Minh	Hạnh	28/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chư Sê	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tiếng Anh	9.7	4.100	Ba Toán
24	A V 0247	Đặng Lê Gia	Hân	20/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	9.3	2.800	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

PHÒNG 04

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	A T 0250	Hồ Ngọc Bảo	Hân	28/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Toán	9.0	4.200	
2	A K 0251	Huỳnh Hồ Bảo	Hân	05/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Ayun Pa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			2.700	
3	A V 0255	Lê Gia	Hân	19/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	8.2	4.500	
4	A D 0256	Lê Gia	Hân	19/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Địa lí	9.3	3.600	
5	A V 0262	Nguyễn Ngọc	Hân	29/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	8.0	8.200	
6	A D 0263	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	16/11/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Bình Khiêm, Kbang	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Địa lí	9.7	4.000	
7	V A 0264	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	22/09/2010	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Tiếng Anh	9.6	4.600	
8	A B 0271	Trịnh Triệu Khả	Hân	08/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Lịch sử	9.3	3.400	
9	A B 0272	Trương Bảo	Hân	15/01/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	8.4	Lịch sử	8.4	1.400	
10	A T 0278	Châu Minh	Hiền	14/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Toán	9.1	3.500	
11	B A 0279	Hoàng Ngọc	Hiền	13/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.1	Tiếng Anh	9.1	2.100	
12	A H 0280	Châu Trần Hoàng	Hiếu	07/03/2010	Nam	Hoa	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	9.4	Hóa học	7.6	4.100	
13	A T 0283	Nguyễn Trung	Hiếu	28/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Toán	9.1	5.400	
14	A V 0289	Cao Tiến	Hoàn	17/05/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Ngữ văn	9.0	8.700	Nhất Tiếng Anh
15	A V 0301	Giáp Hoàng	Hưng	01/07/2009	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	8.0	Ngữ văn	7.2	1.900	
16	A K 0306	Nguyễn Gia	Hưng	26/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			7.000	
17	A K 0310	Vương Vinh	Hưng	03/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	8.0			1.900	
18	A K 0312	Ngô Đặng Thiên	Hương	23/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9			7.900	Nhi Tiếng Anh
19	B A 0315	Bùi Gia	Huy	02/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Lịch sử	8.7	Tiếng Anh	8.1	2.200	
20	A K 0316	Bùi Quang	Huy	12/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			3.100	
21	A D 0318	Hà Nguyễn Minh	Huy	23/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Địa lí	9.9	6.400	KK Tiếng Anh
22	A K.0329	Trần Xuân Đức	Huy	25/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			4.500	
23	A V 0335	Trần Diệu	Huyền	04/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	8.4	Ngữ văn	8.4	1.900	
24	A K 0336	Trần Nguyễn Ngọc	Huyền	19/10/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Huỳnh Thúc Kháng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.5			2.100	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Phạm Thị Ngọc Hà
Trần Văn Đông Hải
Hồ J. Luynes
Lê T. Lam Hồng

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long

NGUYỄN VĂN LONG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

PHÒNG 05

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	A V 0340	Đỗ Mai Ka	03/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	8.8	5.800	
2	A K 0348	Đào Nguyễn Minh Khang	11/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4			2.800	
3	L A 0351	Dương Nguyên Khang	01/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Vật lí	8.2	Tiếng Anh	8.4	1.400	
4	A K 0358	Nguyễn Gia Khang	29/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			5.500	
5	A K 0359	Nguyễn Gia Khang	26/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			6.200	
6	A K 0361	Phạm Huy Khang	15/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			6.100	
7	A V 0363	Phan Phú Khang	03/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	8.6	6.500	
8	A D 0366	Trần Xuân Gia Khang	04/05/2010	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Trưng Vương, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.5	Địa lí	8.6	4.100	
9	A V 0370	Nguyễn Hà Khanh	04/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Sao Việt, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	8.0	Vắng	
10	A D 0373	Hoàng Bảo Khánh	08/02/2010	Nữ	Mường	Ninh Bình	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Địa lí	9.2	4.600	
11	A K 0375	Nguyễn Hoàng Kim Khánh	02/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	7.7			1.700	
12	A D 0390	Võ Đăng Khôi	08/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.5	Địa lí	9.0	3.300	
13	A V 0391	Lâm Ngọc Khuê	20/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.0	6.200	
14	A K 0393	Lưu Đăng Khương	21/03/2010	Nam	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	UKA Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			5.000	
15	A B 0394	Nguyễn Quang Khương	17/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Lịch sử	9.1	5.000	
16	H A 0398	Đoàn Trung Kiên	22/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.2	Tiếng Anh	9.3	2.200	
17	A B 0404	Nguyễn Thiên Kim	10/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Lịch sử	9.6	6.900	
18	A V 0406	Trần Yến Quỳnh Lam	21/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, IaGraí	K	T	K	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	8.8	3.000	
19	A K 0409	Nguyễn Tùng Lâm	13/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5			5.200	
20	A K 0410	Phan Tùng Lâm	14/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	T	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			4.700	
21	A L 0412	Trịnh Quế Lâm	28/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Vật lí	9.6	4.600	
22	A D 0414	Phan Thị Ý Lan	05/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0	Địa lí	9.5	2.300	
23	A B 0420	Đào Khánh Linh	09/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.7	Lịch sử	8.3	2.900	
24	A K 0421	Đào Thị Ngọc Linh	29/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			7.000	Ba Tiếng Anh

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

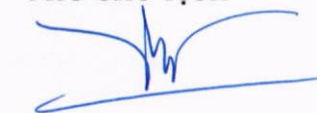
Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC





Nguyễn Văn Long

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

PHÒNG 06

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	A V 0429	Mã Thị Thùy	Linh	30/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	8.7	2.700	
2	A K 0432	Nguyễn Hà	Linh	22/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.1			2.900	
3	D A 0434	Nguyễn Khánh	Linh	11/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Địa lí	8.8	Tiếng Anh	6.8	1.600	
4	A K 0439	Nguyễn Việt	Linh	23/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0			3.900	
5	A H 0440	Phạm Lê Phương	Linh	13/02/2010	Nữ	Kinh	Thái Bình	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Hóa học	8.6	2.600	
6	A V 0443	Phan Hoàng Gia	Linh	02/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	7.3	5.400	
7	A B 0449	Ngô Thùy Bảo	Loan	25/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	K	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Lịch sử	8.6	2.200	
8	A K 0454	Đình	Long	10/09/2010	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Chu Văn An, Chư Prông	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			5.200	
9	A K 0455	Giang Lê Bảo	Long	25/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	9.1			6.400	
10	A K 0456	Lê Đình Giang	Long	24/07/2010	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			4.200	
11	A K 0457	Lê Hoàng Phi	Long	10/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	K	T	K	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	8.4			3.000	
12	T A 0459	Nguyễn Đức	Long	22/06/2010	Nam	Kinh	Nam Định	Hải Anh, Nam Định	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tiếng Anh	8.8	2.400	
13	A K 0460	Nguyễn Phan Phi	Long	23/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu, Krông Pa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			4.500	
14	H A 0462	Trần Phan	Long	04/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Hóa học	8.8	Tiếng Anh	8.8	5.700	
15	A V 0466	Nguyễn Thị Quỳnh	Ly	23/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.4	4.500	
16	A V 0468	Phan Nguyễn Khánh	Ly	05/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Lợi, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.6	Ngữ văn	8.1	2.200	
17	A K 0480	Hà Nguyễn Đắc	Minh	05/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9			8.200	
18	A T 0481	Hà Trần Quang	Minh	19/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Toán	9.4	6.300	
19	A T 0482	Huỳnh Lê Anh	Minh	12/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Toán	8.8	6.800	
20	A D 0484	Lê Văn	Minh	25/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Linh, Đắk Đoa	K	T	K	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.1	Địa lí	8.3	3.100	
21	A B 0487	Nguyễn Nhật	Minh	13/01/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Lịch sử	9.1	2.800	
22	A K 0498	Trần Trương Nhật	Minh	02/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Ayun Pa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.3			3.000	
23	A T 0500	Đào Vũ Thảo	My	16/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Toán	10.0	5.400	
24	A K 0502	Hoàng Ngọc Thảo	My	23/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Bình Khiêm, Krông Pa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9			6.600	KK Tiếng Anh

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: Phạm Thị Ngọc Hà
Người nhập điểm: Trần Lê Đăng Hải
Người soát điểm thứ nhất: Vũ Hồ T. Luyen
Người soát điểm thứ hai: Lê T. Lam Thuy

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Long



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

PHÒNG 07

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	A K 0505	Nguyễn Hoàng Huyền My	10/01/2010	Nữ	Kinh	Ninh Bình	Nguyễn Chí Thanh, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			6.100	
2	A B 0507	Nguyễn Thị Hà My	25/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	8.5	Lịch sử	7.8	3.600	
3	A B 0508	Nguyễn Trần Hà My	21/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Lịch sử	8.9	5.600	
4	A V 0510	Trần Hà My	05/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	9.1	3.300	
5	A V 0512	Trần Phan Thảo My	14/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	9.2	6.900	
6	A V 0520	Ngô Nhã Nam	09/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	8.9	5.700	
7	A V 0526	Đào Khánh Ngân	04/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	9.1	4.500	
8	A V 0527	Đỗ Kiều Ngân	07/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	K	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	8.4	Ngữ văn	7.2	1.800	
9	A V 0529	Hoàng Ngọc Bảo Ngân	31/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.3	7.200	
10	A K 0531	Lê Thị Phú Ngân	11/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Bình Khiêm, Kbang	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0			3.900	
11	L A 0533	Nguyễn Kim Ngân	15/05/2010	Nữ	Kinh	Quảng Nam	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.0	Tiếng Anh	9.2	3.400	
12	A V 0541	Lê Hoàng Phương Nghi	28/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	7.7	2.100	
13	A K 0542	Nguyễn Lâm Hân Nghi	19/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			3.000	
14	A K 0543	Nguyễn Phạm Hữu Nghĩa	19/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			7.500	
15	L A 0545	Trương Đại Nghĩa	05/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, Iagrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.2	Tiếng Anh	9.4	2.300	
16	A V 0548	Hồ Bảo Ngọc	28/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.7	6.500	Ba Tiếng Anh
17	A K 0552	Ngô Thiên Ngọc	13/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4			6.700	Ba Tiếng Anh
18	V A 0554	Nguyễn Hồ Bảo Ngọc	10/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.9	Tiếng Anh	9.0	2.900	
19	A V 0555	Nguyễn Như Ngọc	02/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	7.7	2.600	
20	A H 0565	Võ Thị Bảo Ngọc	21/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phú Hòa, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Hóa học	8.9	Vắng	
21	H A 0571	Dương Thị Thảo Nguyên	14/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.7	Tiếng Anh	9.3	3.200	
22	A B 0578	Nguyễn Hoài Nguyên	06/05/2010	Nữ	Kinh	Hà Nội	Tôn Đức Thắng, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Lịch sử	9.0	2.800	
23	A K 0584	Trần Anh Nguyên	20/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			4.400	
24	A L 0586	Trần Hạnh Nguyên	03/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Bình Khiêm, Kbang	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Vật lí	9.5	6.600	Ba Tiếng Anh

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

PHÒNG 08

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	H A 0587	Võ Khôi	Nguyễn	18/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.4	Tiếng Anh	9.2	4.700	
2	A K 0594	Nguyễn Đức	Nhân	11/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			6.300	
3	T A 0600	Nguyễn Từ	Nhân	23/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3	Tiếng Anh	9.1	4.600	
4	A B 0603	Trịnh Xuân	Nhân	12/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Lịch sử	8.5	4.400	
5	A K 0608	Bùi Hoàng Uyên	Nhi	15/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5			3.600	
6	A K 0614	Nguyễn Hà Thảo	Nhi	05/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			2.900	
7	A K 0625	Nguyễn Yến	Nhi	14/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			2.700	
8	A K 0629	Trần Lê Bảo	Nhi	17/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	10.0			6.900	Ba Tiếng Anh
9	A K 0632	Trương Yến	Nhi	08/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			4.100	
10	H A 0633	Võ Ngọc Bảo	Nhi	25/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.3	Tiếng Anh	8.6	1.800	
11	A B 0637	Huỳnh Ngọc Anh	Như	08/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	8.8	Lịch sử	8.6	2.000	
12	V A 0639	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	02/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Tiếng Anh	9.8	1.900	
13	A D 0640	Nguyễn Đặng Quỳnh	Như	04/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Địa lí	9.6	6.400	
14	A V 0643	Nguyễn Quỳnh	Như	24/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	7.6	5.100	
15	A K 0644	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	29/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kbang	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			2.300	
16	A V 0650	Thân Phan Quỳnh	Như	31/01/2010	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	8.0	2.600	
17	A H 0651	Trần An	Như	17/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Hóa học	8.2	0.900	
18	H A 0660	Nguyễn Hoàng	Phát	24/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.9	Tiếng Anh	9.8	5.100	KK Hóa học
19	A K 0664	Mai Anh	Phi	12/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5			4.600	
20	A K 0668	Đỗ Gia	Phú	05/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	laLy, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			7.600	KK Tiếng Anh
21	A K 0669	Đoàn Kim	Phú	01/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	9.4			4.400	
22	A V 0673	Đỗ Hoàng	Phúc	22/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.8	5.800	
23	A V 0684	Nguyễn Phương	Phương	29/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.0	4.700	
24	D A 0689	Trần Hà Yến	Phương	14/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	K	T	K	K	T	T	T	T	Địa lí	8.4	Tiếng Anh	7.2	2.500	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC





Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

PHÒNG 09

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	A V 0690	Trần Ngọc Hiếu	Phuong	24/04/2010	Nữ	Kinh	Đà Nẵng	Nguyễn Bình Khiêm, Kbang	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	9.7	6.000	KK Tiếng Anh
2	A K 0692	Vũ Thị Diễm	Phuong	06/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phú Hòa, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			Vắng	Ba Tiếng Anh
3	A D 0704	Cao Bảo	Quyên	30/08/2010	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Địa lí	8.9	7.000	
4	A T 0706	Hà Thục	Quyên	04/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Toán	8.7	6.800	
5	A V 0710	Trần Ngô Thục	Quyên	29/01/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Sao Việt, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	9.0	3.500	
6	A K 0711	Nguyễn Hồng	Quyên	15/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	9.7			4.600	
7	B A 0714	Nguyễn Phạm Như	Quỳnh	23/12/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.2	Tiếng Anh	9.6	5.500	
8	A V 0715	Phạm Ngọc	Quỳnh	02/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	8.7	5.900	
9	A V 0717	Văn Thị Khánh	Quỳnh	07/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	8.3	5.500	
10	A K 0730	Ngô Duy Minh	Tâm	25/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Yaly, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			7.700	KK Tiếng Anh
11	B A 0734	Đỗ Quốc	Thái	26/07/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Trung Vương, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Lịch sử	8.6	Tiếng Anh	8.9	2.000	
12	H A 0739	Đỗ Nguyễn Vy	Thanh	28/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Hóa học	8.1	Tiếng Anh	8.4	2.300	
13	V A 0741	Nguyễn Ngọc Đan	Thanh	08/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.5	Tiếng Anh	8.6	1.700	
14	A T 0748	Võ Phú	Thành	10/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.9	Toán	7.4	4.800	
15	A V 0749	Chu Lê Phương	Thảo	25/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	9.0	5.400	
16	A K 0751	Nguyễn Phương	Thảo	06/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			4.500	
17	A K 0752	Nguyễn Thị Hồ Như	Thảo	28/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			6.800	
18	T A 0754	Trần Phương	Thảo	14/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Toán	8.6	Tiếng Anh	8.0	2.400	
19	V A 0755	Phan Hoàng Bảo	Thị	13/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	laNhìn, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3	Tiếng Anh	8.3	2.400	
20	A K 0759	Nguyễn Trường	Thịnh	13/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			4.600	
21	A K 0767	Hồ Anh	Thư	30/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4			2.300	
22	A V 0770	Nguyễn Đức	Thư	05/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	7.8	3.900	
23	A V 0774	Trần Anh	Thư	03/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	8.2	4.600	

(Danh sách này gồm 23 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

PHÒNG 10

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	A K 0780	Lê Hoài	Thương	05/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.1			2.100	
2	A K 0785	Nguyễn Phương	Thùy	18/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Cao Bá Quát, Chư Sê	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			5.400	KK Tiếng Anh
3	A K 0786	Đậu Lê Bích	Thùy	20/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			4.300	
4	A K 0787	Hoàng Ngọc Thu	Thùy	25/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			6.000	
5	A V 0789	Ksor Bùi Khánh	Thy	31/10/2010	Nữ	Jarai	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	8.2	3.000	
6	A T 0790	Lê Bảo	Thy	03/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Đình Chinh, Chư Prông	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Toán	9.9	2.100	
7	H A 0799	Nguyễn Trần Mai	Tiên	22/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.1	Tiếng Anh	8.2	2.400	
8	A T 0807	Trần Trọng	Tin	28/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Toán	8.4	3.000	
9	A D 0808	Đặng Công	Tính	26/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Địa lí	9.5	6.400	
10	L A 0811	Dương Minh	Toàn	22/02/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.6	Tiếng Anh	8.6	4.100	
11	A K 0813	Huỳnh Thanh	Trà	06/04/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5			4.500	
12	A D 0814	Bùi Huyền Nhã	Trâm	05/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Địa lí	9.0	2.800	
13	A K 0815	Đậu Lê Huyền	Trâm	23/12/2010	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			6.000	
14	A D 0818	Ngô Bảo	Trâm	17/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kông Chro	K	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	7.3	Địa lí	8.3	1.900	
15	A V 0819	Nguyễn Ngọc	Trâm	13/04/2010	Nữ	Kinh	Quảng Nam	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.0	5.800	
16	A V 0823	Trần Huỳnh Ngọc	Trâm	25/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	8.9	7.100	
17	A B 0829	Nguyễn Bảo	Trân	26/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.3	Lịch sử	9.0	1.600	
18	A V 0835	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	15/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.0	6.200	
19	V A 0836	Phan Nguyễn Huyền	Trân	19/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.1	Tiếng Anh	9.1	2.400	
20	A K 0841	Ngô Thị Mai	Trang	23/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			5.700	
21	A D 0846	Dương Đình	Trí	06/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Địa lí	9.6	4.900	
22	A T 0847	Huỳnh Việt	Triết	06/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Toán	9.7	7.700	
23	B A 0849	Tô Đình	Triệu	12/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Lịch sử	9.2	Tiếng Anh	9.2	3.900	

(Danh sách này gồm 23 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN TIẾNG ANH (CHUYÊN)

PHÒNG 11

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		ĐIỂM	Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB		
1	A K 0858	Lê Anh Tuấn	20/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	IaLy, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			5.600	
2	B A 0861	Lại Gia Tuệ	19/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	K	T	Lịch sử	7.8	Tiếng Anh	9.0	1.700	
3	A K 0862	Nguyễn Thanh Tùng	22/08/2010	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	Hùng Vương, IaGrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			3.900	
4	A D 0865	Lưu Ngọc Vy	08/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Địa lí	9.4	4.600	
5	A V 0871	Nguyễn Phước Ánh Tuyết	14/12/2010	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.0	2.200	
6	A K 0872	Lê Văn Quốc Uy	09/03/2010	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			5.500	
7	H A 0875	Bùi Nguyễn Thục Uyên	23/10/2010	Nữ	Kinh	Kon Tum	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.2	Tiếng Anh	8.2	3.400	
8	A V 0876	Đào Ngọc Phương Uyên	23/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	7.9	7.100	
9	V A 0882	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	01/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2	Tiếng Anh	8.9	2.000	
10	A K 0886	Trần Hoàng Thu Uyên	02/06/2010	Nữ	Kinh	Nghệ An	Phú Hòa, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			4.700	KK Tiếng Anh
11	A K 0887	Văn Hải Uyên	14/11/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	APC Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			5.700	
12	V A 0889	Nguyễn Hà Vân	20/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2	Tiếng Anh	9.8	6.700	KK Ngữ văn
13	A V 0897	Lưu Thảo Vinh	25/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.7	5.100	
14	A D 0898	Nguyễn Thành Vinh	03/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.1	Địa lí	8.8	3.300	
15	A K 0906	Đỗ Nguyễn Hà Vy	01/11/2010	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0			4.700	
16	A K 0907	Hồ Ngọc Thảo Vy	11/12/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			3.900	
17	A V 0908	Hồ Phương Vy	23/02/2010	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.6	4.600	
18	A H 0911	Nguyễn Hải Vy	01/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Hóa học	9.2	2.200	
19	A V 0915	Nguyễn Tường Vy	02/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0	Ngữ văn	8.3	3.100	
20	A K 0918	Trần Thị Phương Vy	07/01/2010	Nữ	Kinh	Bình Dương	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			3.800	
21	T A 0922	Vô Thiện Ý	22/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tiếng Anh	9.8	7.000	
22	A V 0927	Nguyễn Hải Yến	16/03/2010	Nữ	Kinh	Hải Dương	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	8.8	4.000	
23	A K 0928	Nguyễn Lộc Hoàng Yến	20/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			6.900	

(Danh sách này gồm 23 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Phạm Thị Ngọc Hà
Trần Lê Đồng Hải
Hồ T. Luyện
Lê T. Lam

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long